

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/DS-PT
Ngày 31-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt).

- *Địa chỉ cư trú:* Ấp 1, xã Khánh H, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lư Văn T, sinh năm 1950 (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Khánh H, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lư Minh G (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M – Là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Lê Văn T trình bày: Vào ngày 16/3/2020 ông có cho ông T, bà M vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn vay là 11 tháng. Khi vay tiền, giữa ông với bà M làm hợp đồng thế chấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.100m², đất tọa lạc tại ấp 1, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau (khi hai bên giao kết hợp đồng thì ông T có văn bản ủy quyền cho bà M ký hợp đồng thế chấp) và khi ký tên vào hợp đồng có ông Lư Minh G là con của ông T, bà M đang sinh sống và quản lý nhà yền đang khai thác trên phần đất thế chấp cùng ký tên vào hợp đồng thế chấp. Ông T và bà M giao cho ông T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay tiền ông T và bà M có đóng lãi được 03 tháng thì không trả lãi. Do đó, ông T yêu cầu ông T, bà M trả cho ông số tiền vốn 1.200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng. Khi nào ông T, bà M trả tiền cho ông xong thì ông T sẽ trả lại cho ông T, bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ông Lư Minh G, do ông G không có liên quan đến việc vay tiền của ông T, bà M.

Bị đơn, ông Lư Văn T và bà Nguyễn Thị M trình bày: Ông, bà thừa nhận vợ chồng ông, bà có vay của ông T số tiền 1.200.000.000 đồng với mức lãi thỏa thuận 1,5%/tháng, và đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho ông T đúng như lời ông T trình bày. Do đó, tại phiên hoà giải ngày 22/6/2021 ông T, bà M đồng ý trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của ông T với số tiền 1.407.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 28/6/2021 ông T, bà M có đơn yêu cầu thay đổi việc thỏa thuận theo biên bản hoà giải với lý do đã đóng lãi cho ông T số tiền 294.000.000 đồng, nên không đồng ý trả lãi mà chỉ đồng ý trả số tiền vốn cho ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M trả cho ông Lê Văn T số tiền vốn 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 306.000.000 đồng. Tổng cộng 1.506.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/11/2021 ông Lư Văn T và bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo T bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất, ông T, bà M chỉ đồng ý trả số tiền lãi cho nguyên đơn là 207.000.000 đồng theo biên bản hòa giải ngày 22/6/2021 và xin được trả nợ dần theo hàng tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà M vắng mặt, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà M sau khi ông T bà M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà M, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, ghi nhận sự thỏa thuận của ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà M, xét thấy bà M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T, bà M thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để vay số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng vào ngày 16/3/2020 được Ủy ban nhân dân xã Khánh H xác nhận. Ông T thừa nhận ông T, bà M có đóng lãi được 03 tháng và được ông T, bà M đồng ý. Như vậy, từ ngày 16/6/2020 đến nay ông T và bà M không đóng lãi và chưa trả vốn. Tại biên bản đối thoại ngày 26/4/2021 giữa ông T, bà M được xác lập tại Ủy ban nhân dân xã Khánh H và biên bản hoà giải ngày 22/6/2021 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh thể hiện ông T, bà M đều đồng ý trả số nợ cho ông T là 1.200.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi. Tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đồng ý trả cho ông T số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng và yêu cầu được điều chỉnh lãi suất. Đối với số tiền lãi ông T cho rằng đã trả lãi cho ông T 294.000.000 đồng, ông T thừa nhận số tiền lãi đã đóng cho khoản tiền vay trước khi ông T và bà M vay số tiền 1.200.000.000 đồng vào ngày 16/3/2020 nên không yêu cầu xem xét.

Xét thấy, Ông T, bà M thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để vay số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng vào ngày 16/3/2020 với mức lãi suất tại hợp đồng vay có thể chấp tài sản do các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng là thấp hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông T kháng cáo yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất do các bên thỏa thuận là không có cơ sở. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Bản án sơ thẩm buộc ông T và bà M trả cho ông T số tiền vốn 1.200.000.000 đồng và T lãi từ ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/11/2021 với số tiền lãi là 306.000.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 1.506.000.000 đồng là phù hợp. (Cụ thể $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 306.000.000 \text{ đồng}$). Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ155625 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp cho ông Lữ Văn T ngày 09/7/2004, hiện nay ông T và bà M đang thế chấp cho ông T. Tại bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết buộc ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà M sau khi ông T và bà M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T được ông T đồng ý, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc buộc ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông T và bà M. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm để ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà M, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, ghi nhận sự thỏa thuận của ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà M là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí, do ông T và bà M là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lư Văn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M trả cho ông Lê Văn T tổng số tiền 1.506.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu đồng) trong đó tiền vốn 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 306.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lê Văn T về việc đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ155625 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp cho ông Lư Văn T ngày 09/7/2004 cho ông Lư Văn T và bà Nguyễn Thị M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí là 27.105.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006339 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lư Văn T, bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Ngày 14/12/2021 ông Lư Văn T và bà Nguyễn Thị M mỗi người có dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010143 và 0010144 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi Cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

